

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Ngọc Diệp¹

¹Trường Đại học Lâm nghiệp - Phân hiệu Đồng Nai

TÓM TẮT

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã khảo sát 174 học sinh khối 12 đang học tập tại các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc huyện Trảng Bom nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA) đã chỉ ra các yếu tố: (1) Cơ hội tương lai và năng lực của học sinh, (2) Truyền thông tiếp thị, (3) Quan hệ ảnh hưởng, (4) Đặc điểm trường đại học; (5) Cơ hội trúng tuyển có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn huyện Trảng Bom. Dựa vào kết quả nghiên cứu, một số ý kiến đã được đề xuất nhằm thu hút người học đến học tập tại Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai như: Khoanh vùng, lựa chọn đối tượng tuyển sinh phù hợp; Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh của nhà trường; Nâng cao hơn nữa uy tín, thương hiệu của nhà trường; Tăng cường phát huy vai trò của các mối quan hệ ảnh hưởng và Tái cơ cấu các ngành nghề đào tạo.

Từ khóa: huyện Trảng Bom, phân tích nhân tố khám phá, trung học phổ thông, Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2020 cả nước có hơn 900.000 thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trong đó hơn 257.000 thí sinh dự thi chỉ để xét công nhận tốt nghiệp THPT (chiếm khoảng 25,55%). Tín hiệu này thể hiện nét mới trong xu hướng chọn nghề, chọn trường của học sinh và phụ huynh hiện nay. Bên cạnh đó, thực tế đã ghi nhận có không ít học sinh THPT đang học năm cuối cấp chưa xác định rõ ngành học và trường mình sẽ dự thi. Mặt khác, với rất nhiều phương án xét tuyển được các trường đại học (ĐH) áp dụng làm cho cánh cửa vào học ĐH của các em học sinh quá rộng mở khiến việc cạnh tranh trong công tác tuyển sinh của các trường ĐH ngày càng trở nên gay gắt.

Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai (ĐHLN-PHĐN) là trường ĐH công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, trường tọa lạc trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên trong số 1.683 học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom có nguyện vọng sử dụng

điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2020) thì chỉ có 71 em đăng ký xét tuyển và nhập học tại ĐHLN-PHĐN. Số lượng này là khá khiêm tốn so với tiềm năng tuyển sinh của nhà trường.

Vậy những yếu tố nào tác động tới quyết định chọn trường ĐH của các em học sinh THPT? ĐHLN-PHĐN cần phải đưa ra những giải pháp nào nhằm thu hút người học đến học tập tại trường? Để giải đáp được những câu hỏi trên, tác giả thực hiện nghiên cứu “*Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai*”.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình lý thuyết

Trên thế giới đã có một số nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh THPT như nghiên cứu của D.W.Chapman (1981) đã đề xuất một mô hình tổng quát của việc lựa chọn trường đại học của các học sinh qua 2 nhóm yếu tố là đặc điểm của gia đình, cá nhân học sinh và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng như: các cá nhân, các đặc điểm cố định của trường đại học và nỗ lực giao tiếp

của trường đại học với các học sinh.

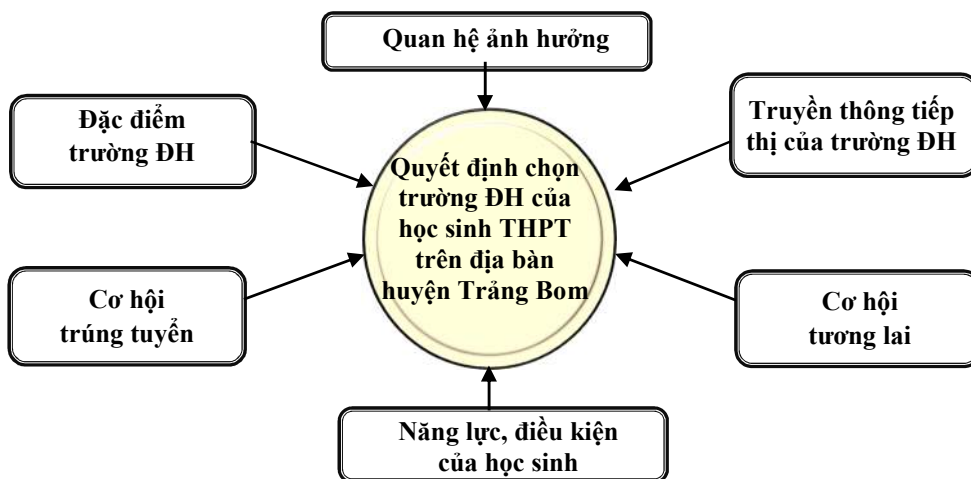
Tiếp nối kết quả nghiên cứu của Chapman, Cabera và La Nasa (2000) đã nghiên cứu mô hình 3 giai đoạn lựa chọn trường đại học của học sinh, trong đó nhân tố mong đợi về công việc trong tương lai của học sinh rất quan trọng trong sự tác động đến quyết định chọn trường đại học của học sinh.

Tại Việt Nam cũng đã có một số công trình được công bố như Trần Văn Quý, Cao Hào Thi (2009). Kết quả phân tích 227 bảng trả lời của học sinh lớp 12 năm học 2008 - 2009 của 5 trường THPT tại Quảng Ngãi cho thấy 5 yếu tố bao gồm yếu tố cơ hội việc làm trong tương lai; yếu tố đặc điểm cố định của trường ĐH; yếu tố về bản thân cá nhân học sinh; yếu tố về cá nhân có ảnh hưởng đến quyết định của học sinh và yếu tố về thông tin có sẵn ảnh hưởng đến quyết

định chọn trường ĐH.

Vũ Thị Huế, Lê Đình Hải, Nguyễn Văn Phú (2017) đã khảo sát 317 học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA đã chỉ ra được 5 nhóm yếu tố gồm: Các cá nhân có ảnh hưởng; Bản thân học sinh; Đặc điểm của ĐHLN-PHĐN; Cơ hội việc làm trong tương lai và nỗ lực giao tiếp của ĐHLN-PHĐN có ảnh hưởng đáng kể tới quyết định chọn ĐHLN-PHĐN của học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu trước đây và điều kiện đặc thù của huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, có thể nhận diện 5 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom như trong hình 1.



Hình 1. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom – Đồng Nai

2.2. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

Dung lượng mẫu chính thức: Phương pháp phân tích dữ liệu chính được sử dụng cho nghiên cứu này là phân tích trên mô hình cấu trúc tuyến tính. Để đạt được ước lượng tin cậy cho phương pháp này, mẫu thường phải có kích thước đủ lớn ($n > 2000$; Hoelter, 1983, được trích dẫn từ Nguyễn Đình Thọ, 2010). Dựa theo kinh nghiệm (Bollen, 1989 trích dẫn từ Nguyễn Khánh Duy, 2009), với tối thiểu là 5 mẫu cho

một tham số ước lượng, mô hình lý thuyết có 31 tham số cần ước lượng (Bảng 2). Mô hình đa nhóm có 31 tham số cần ước lượng, do đó kích thước mẫu tối thiểu cần thiết cho nghiên cứu chính thức là 155 (5×31). Với số lượng 180 bảng hỏi được phát ra, kết quả thu về là 174 phiếu đảm bảo yêu cầu.

Phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên để thu thập thông tin của học sinh khối 12 tại 3 trường trên

địa bàn huyện Trảng Bom đại diện cho 3 cơ sở giáo dục THPT khác nhau: (1) Trường THPT Ngô Sỹ Liên (trường THPT công lập); (2)

Trường THPT Trần Đại Nghĩa (trường THPT ngoài công lập); (3) Trung tâm GDTX huyện Trảng Bom (Hệ GDTX-GDNN).

Bảng 1. Đặc trưng cơ bản của mẫu điều tra

	Tiêu chí	Số lượng (HS)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	76	43,68
	Nữ	98	56,32
Học lực	Xuất sắc	2	1,15
	Giỏi	48	27,59
	Khá	94	54,02
	Trung bình	28	16,09
	Dưới trung bình	2	1,15
Lĩnh vực yêu thích	Kinh tế	70	40,23
	Xã hội	37	21,26
	Kỹ thuật, công nghệ	51	29,31
	Khác	16	9,20
Thời gian tìm hiểu về trường ĐH	Trước lớp 10	11	6,32
	Lớp 10	6	3,45
	Lớp 11	23	13,22
	Lớp 12	91	52,30
	Không nhớ	43	24,71
Mức độ chắc chắn chọn trường ĐH	Rất không chắc chắn	2	1,15
	Không chắc chắn	20	11,49
	Phân vân	35	20,11
	Chắc chắn	75	43,10
	Rất chắc chắn	42	24,14

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn: sách, báo, tạp chí, các văn bản pháp quy, các báo cáo, nghiên cứu tương tự.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng hỏi được phát trực tiếp cho học sinh từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2020 bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên tại 3 trường THPT bao gồm: Trường THPT Ngô Sỹ Liên (60 phiếu), trường THPT Trần Đại Nghĩa (60 phiếu), Trung tâm GDTX huyện Trảng Bom (60 phiếu).

2.4. Phương pháp xử lý, phân tích

Dựa trên kết quả nghiên cứu tổng quan, hệ

thống các lý thuyết, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, tổng hợp và thiết kế bảng hỏi (thừa kế từ nghiên cứu của Đỗ Ngọc Thu, 2014) sau đó bổ sung và hoàn thiện bảng hỏi nhằm phù hợp với thực tế nghiên cứu.

Trong nghiên cứu này các biến quan sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ và chi tiết được mô tả trong Bảng 2. Bảng 2 cho thấy có 6 nhóm thang đo tiềm năng ảnh hưởng đến sự quyết định chọn trường ĐH của học sinh; và 1 thang đo 3 chỉ tiêu đại diện cho quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom – Đồng Nai.

Bảng 2. Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT

STT	Ký hiệu	TIÊU THỨC
I	QHAH	MỐI QUAN HỆ ẢNH HƯỞNG
1.1	QHAH 1	Chọn trường đại học do gia đình (bố, mẹ, anh, chị, người thân) định hướng
1.2	QHAH 2	Chọn trường đại học do thầy, cô giáo, trong trường THPT định hướng
1.3	QHAH 3	Chọn trường đại học theo lời khuyên của chuyên gia tư vấn
1.4	QHAH 4	Chọn trường đại học theo lời khuyên bạn bè (cùng lớp, cùng trường)
1.5	QHAH 5	Chọn trường đại học do người thân, bạn bè đang (hoặc đã) học tại trường đại học đó giới thiệu
II	DDTH	ĐẶC ĐIỂM TRƯỜNG ĐẠI HỌC
2.1	DDTH 1	Là trường ĐH công lập
2.2	DDTH 2	Trường có uy tín, thương hiệu
2.3	DDTH 3	Chương trình đào tạo của Nhà trường có chất lượng, phù hợp yêu cầu của xã hội
2.4	DDTH 4	Trường có đội ngũ giảng viên giỏi, có trình độ cao
2.5	DDTH 5	Cơ sở vật chất nhà trường tốt
III	CHTT	CƠ HỘI TRÚNG TUYỂN
3.1	CHTT 1	Tỷ lệ chọi của nhà trường phù hợp với khả năng của bạn
3.2	CHTT 2	Có thể học cao đẳng, đại học bằng các chương trình đào tạo quốc tế chỉ thông qua việc xét tuyển
3.3	CHTT 3	Điểm chuẩn tuyển sinh ngành học của trường phù hợp với khả năng của bạn
3.4	CHTT 4	Trường có nhiều sự lựa chọn ngành học trong việc xét tuyển
IV	NLDK	NĂNG LỰC – ĐIỀU KIỆN BẢN THÂN
4.1	NLDK 1	Học phí của nhà trường phù hợp với khả năng tài chính của gia đình
4.2	NLDK 2	Trường có vị trí thuận lợi cho việc đi lại và học tập
4.3	NLDK 3	Trường có ngành nghề đào tạo phù hợp với năng lực (khả năng)
4.4	NLDK 4	Trường có ngành nghề đào tạo phù hợp với sở thích bản thân
4.5	NLDK 5	Trường có bậc, hệ đào tạo phù hợp với bản thân
V	CHTL	CƠ HỘI TƯƠNG LAI
5.1	CHTL 1	Cơ hội tiếp cận, cọ sát với môi trường thực tế trong quá trình học
5.2	CHTL 2	Cơ hội tiếp cận các chính sách hỗ trợ và học bổng trong tương lai
5.3	CHTL 3	Cơ hội được trang bị kỹ năng đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội
5.4	CHTL 4	Cơ hội tiếp tục học tập lên cao trong tương lai.
5.5	CHTL 5	Cơ hội tìm kiếm được việc làm cao
VI	TTTT	TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC
6.1	TTTT1	Đã được thăm quan trực tiếp tại trường
6.2	TTTT2	Thông tin về trường ĐH từ các hoạt động hướng nghiệp và tư vấn tại trường THPT đã cụ thể, rõ ràng
6.3	TTTT3	Thông tin về trường ĐH từ các phương tiện thông tin đã cụ thể, rõ ràng
6.4	TTTT4	Dễ dàng tiếp cận với thông tin của trường trên Website trường
VII	QĐCT	QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG
7.1	QĐCT1	Bạn đã tìm hiểu rất kỹ về trường ĐH
7.2	QĐCT2	Bạn đã so sánh rất cẩn thận trường ĐH này với các trường ĐH khác
7.3	QĐCT3	Bạn cho rằng trường ĐH này phù hợp với bạn hơn các trường ĐH khác

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả phân tích mô hình dựa trên phân tích nhân tố khám phá

3.1.1. Kiểm định chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

Thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát được đánh giá bằng hệ số Cronbach's Alpha và phương pháp nhân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis). Yêu cầu để thang đo được chấp nhận là loại bỏ các biến có

hệ số tương quan biến tổng (item – total correlation) nhỏ hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha nhỏ hơn 0,6. Hơn nữa trong phân tích nhân tố khám phá EFA, những biến có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) nhỏ hơn 0,5 sẽ bị loại

khỏi thang đo vì có tương quan kém với nhân tố tiềm ẩn (khái niệm đo lường). Bước cuối cùng là kiểm định mô hình bằng phương pháp hồi quy đa biến với mức ý nghĩa thống kê 5%.

Bảng 3. Tổng hợp kết quả phân tích chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

STT	Nhóm biến	Số biến	Cronbach Alpha
1	Mối quan hệ ảnh hưởng (QHAH)	5	0,722
2	Đặc điểm trường Đại học (DDTH)	5	0,798
3	Cơ hội trúng tuyển (CHTT)	4	0,717
4	Năng lực, điều kiện bản thân (NLDK)	5	0,860
5	Cơ hội tương lai (CHTL)	5	0,871
6	Truyền thông, tiếp thị (TTTT)	4	0,759

Qua kết quả kiểm định chất lượng thang đo ở bảng 3 ta thấy hệ số của tổng thể các điều lớn hơn 0,6. Như vậy hệ thống thang đo được xây dựng gồm 6 thang đo đảm bảo chất lượng tốt với 28 biến số đặc trưng.

3.1.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá - EFA

a. Kiểm định tính thích hợp của EFA

Trong bảng 4 ta có KMO = 0,872 thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$, như vậy phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế.

Bảng 4. Kiểm định KMO và Bartlett's Test

Hệ số KMO		0,872
Kiểm định Bartlett	Approx. Chi-Square	2374,581
	Df	351
	Sig.	0,000

b. Kiểm định tương quan của các biến quan sát trong thước đo đại diện

Trong bảng 4 ta thấy kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa Sig. = 0,000 < 0,05, như vậy các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

c. Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với các nhân tố

Cột Phương sai trích % của bảng 5 cho biết trị số phương sai trích là 63,256% điều này có nghĩa 63,256% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát.

Bảng 5. Tổng phương sai được giải thích (Total Variance Explained)

Thành phần	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Tổng	% phương sai	Phương sai trích %	Tổng	% phương sai	Phương sai trích %	Tổng	% phương sai	Phương sai trích %
1	7,677	34,895	34,895	7,677	34,895	34,895	5,074	23,064	23,064
2	2,348	10,672	45,567	2,348	10,672	45,567	2,428	11,037	34,101
3	1,438	6,535	52,102	1,438	6,535	52,102	2,249	10,224	44,325
4	1,255	5,703	57,805	1,255	5,703	57,805	2,097	9,531	53,855
5	1,199	5,451	63,256	1,199	5,451	63,256	2,068	9,401	63,256
6	0,918	4,175	67,431						
7	0,788	3,584	71,015						
...						
20	0,239	1,087	98,271						
21	0,209	0,949	99,220						
22	0,172	0,780	100,000						

Bảng 6. Ma trận xoay nhân tố

	Component				
	1	2	3	4	5
CHTL5	0,806				
CHTL4	0,753				
CHTL3	0,750				
CHTL2	0,740				
CHTL1	0,702				
NLDK5	0,659				
NLDK3	0,636				
NLDK2	0,628				
NLDK4	0,599				
DDTH1		0,781			
DDTH2		0,737			
DDTH5		0,592			
DDTH3		0,582			
QHAH2			0,758		
QHAH1			0,748		
QHAH4			0,738		
QHAH3			0,575		
TTTT3				0,789	
TTTT4				0,777	
TTTT2				0,695	
CHTT1					0,662
CHTT2					0,614

Vì kích thước mẫu là 174 nằm trong khoảng 100 đến 350 nên các biến quan sát phải thỏa mãn điều kiện lớn hơn 0,55. Từ kết quả bảng 6 cho thấy có các biến NLDK1, DDTH4, QHAH5, TTTT1, CHTT3, CHTT4 là không đảm bảo điều kiện và đã bị loại, còn lại tất cả các biến đều có hệ số tải nhân tố thỏa mãn điều kiện lớn hơn 0,55 nên các biến quan sát khác tiếp tục được sử dụng

trong mô hình nghiên cứu.

d. Kết quả của mô hình

Qua kiểm định chất lượng thang đo và kiểm định của mô hình EFA, nhận diện có 5 thang đo đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH và 1 thang đo đại diện quyết định chọn trường ĐH như trong bảng 7.

Bảng 7. Mô hình điều chỉnh qua kiểm định Crobach Alpha và phân tích nhân tố khám phá

STT	Thang đo	Biến đặc trưng	Giải thích thang đo
1	CHNL (F ₁)	CHTL1,CHTL2,CHTL3,CHTL4,CHTL5 , NLDK2, NLDK3, NLDK4, NLDK5	Cơ hội tương lai và năng lực, điều kiện của học sinh THPT
2	DDTH (F ₂)	DDTH1, DDTH2, DDTH3, DDTH5	Đặc điểm trường đại học
3	QHAH (F ₃)	QHAH1, QHAH2, QHAH3, QHAH4	Các mối quan hệ ảnh hưởng
4	TTTT (F ₄)	TTTT2, TTTT3, TTTT4	Truyền thông tiếp thị của trường ĐH
5	CHTT (F ₅)	CHTT1, CHTT2	Cơ hội trúng tuyển

Để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom, mô hình tương quan tổng thể có dạng:

$$Q\text{ĐCT}=f(F_1, F_2, F_3, F_4, F_5)$$

Trong đó: QĐCT: Biến phụ thuộc;

F₁, F₂, F₃, F₄, F₅: Biến độc lập.

Việc xem xét trong các yếu tố F₁ đến F₅, yếu tố nào thật sự tác động đến quyết định chọn trường ĐH một cách trực tiếp sẽ thực hiện được bằng phương trình hồi qui tuyến tính:

$$Q\text{ĐCT}= \beta_0+\beta_1F_1 + \beta_2F_2 + \beta_3F_3 + \beta_4F_4 + \beta_5F_5$$

Trong đó, các biến đưa vào phân tích hồi qui được xác định bằng cách tính điểm của các nhân tố (Factor score).

Bảng 8. Tóm tắt mô hình (Model Summary)

Biến độc lập	Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa (B)	Giá trị t (t-value)	Mức ý nghĩa thống kê (P-value)	VIF	Hệ số hồi qui chuẩn hóa (Beta)	Giá trị tuyệt đối của Beta	Mức độ đóng góp của các biến (%)	Tầm quan trọng của các biến
(Constant)	0,526	1,587	0,114					
F ₁ _CHNL	0,490	5,433	0,000	1,000	0,435	0,435	44,62	1
F ₂ _QHAH	-0,131	-2,051	0,042	1,000	-0,113	0,113	11,59	3
F ₃ _DDTH	0,081	1,087	0,027	1,000	0,073	0,073	7,49	4
F ₄ _CHTT	0,066	0,836	0,040	1,000	0,055	0,055	5,64	5
F ₅ _TTTT	0,318	4,598	0,000	1,000	0,299	0,299	30,67	2
Biến số phụ thuộc: QĐCT – Quyết định chọn trường								
Dung lượng mẫu quan sát			174					
Hệ số R ²			0,519					
Hệ số R ² hiệu chỉnh			0,505					
Durbin Watson			1,786					
Ghi chú: *** Mức ý nghĩa <0,001, ** Mức ý nghĩa <0,05, * Mức ý nghĩa <0,10 (Kiểm định 2 phía)								

Trong bảng 8, hệ số R² hiệu chỉnh 0,505. Như vậy, 50,5% sự thay đổi về quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình.

Kết quả ở bảng 8 cho thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10, như vậy mô hình hồi qui không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Durbin Watson (1 < d = 1,786 < 3), như vậy mô hình hồi qui không có hiện tượng tự tương quan.

Ở bảng 8, với mức ý nghĩa Sig. < 0,05 của kiểm định F, có thể kết luận rằng mô hình đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế. Hay nói cách khác, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc và với mức độ tin cậy 95%.

e. Thảo luận kết quả hồi quy

Từ kết quả mô hình hồi quy cho thấy, mối quan hệ giữa biến phụ thuộc (Quyết định chọn trường) và 5 biến độc lập được thể hiện trong phương trình hồi quy sau:

$$QĐCT = 0,526 + 0,490 F_1 - 0,131 F_2 + 0,081 F_3 + 0,066 F_4 + 0,318 F_5$$

Các biến F₁, F₃, F₄, F₅ có quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc QĐCT, riêng biến F₂: QHAH là quan hệ ngược chiều. Điều này có thể giải thích bởi trong giai đoạn hiện nay học sinh

THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom đã có những suy nghĩ, tư duy độc lập. Nhiều bạn đã biết tự đánh giá năng lực, điều kiện, sở thích, sở trường của mình để tự đưa ra sự lựa chọn học trường ĐH nào là phù hợp với bản thân. Nhất là học sinh lớp 12, khi nhiều bạn có cá tính riêng, về tâm lý không muốn phụ thuộc nhiều vào yếu tố gia đình, người thân tác động. Nên nhiều khả năng khi có các yếu tố tác động thêm từ phía bên ngoài vào quyết định chọn trường lại là tác động ngược lại với suy nghĩ của các em.

Qua kết quả bảng 8 ta thấy thứ tự tầm quan trọng của các biến số ảnh hưởng đến sự hài lòng như sau: Cao nhất là F₁ “Cơ hội tương lai và năng lực học tập của học sinh” (44,62%); F₅ “Truyền thông tiếp thị” có ảnh hưởng thứ 2 (30,67%); tiếp đến là F₂ “Quan hệ ảnh hưởng” (11,59%); F₃ “Đặc điểm trường đại học” (7,49%) và thấp nhất là F₄ “Cơ hội trúng tuyển” (5,64%).

Thông qua các kiểm định có thể khẳng định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom, Đồng Nai lần lượt là: (1) “Cơ hội tương lai và năng lực học tập của học sinh”, (2) “Truyền thông tiếp thị”, (3) “Quan hệ ảnh hưởng”, (4) “Đặc điểm trường đại học”, (5) “Cơ hội trúng tuyển”.

3.2. Liên hệ gợi ý những giải pháp nhằm thu hút người học đến học tập tại ĐHLN-PHĐN

Dựa trên kết quả đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom, có thể đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút người học đến học tập tại ĐHLN-PHĐN như sau:

3.2.1. Khoanh vùng, lựa chọn đối tượng tuyển sinh phù hợp

Từ nghiên cứu trên ta thấy năng lực học tập, điều kiện của học sinh THPT là một yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến quyết định chọn trường ĐH. Đối với ĐHLN-PHĐN là một trường ĐH chưa có nhiều lợi thế trong công tác tuyển sinh. Trong nhiều năm liền, chất lượng đầu vào học tập của học sinh đều không cao (phần lớn ở ngưỡng trung bình). Vì vậy trong công tác tuyển sinh, nhà trường cần chú trọng vào việc khoanh vùng, lựa chọn đối tượng tuyển sinh phù hợp.

Nhà trường cần có sự lựa chọn vùng tuyển sinh trọng điểm chủ yếu là các trường thuộc khu vực 1, khu vực 2 nông thôn, vùng sâu vùng xa, các trường THPT có chất lượng đào tạo ở mức khá trở xuống.

Cần phải đa dạng hóa các hình thức tuyển sinh: Hiện tại nhà trường đang áp dụng phương thức tuyển sinh bằng cách xét tuyển căn cứ vào điểm thi THPT Quốc gia, đồng thời xét tuyển bằng kết quả học tập học kỳ 1 năm lớp 12, điểm trung bình 3 năm lớp 10,11,12. Trong thời gian tới cần đa dạng hơn nữa hình thức tuyển sinh và các hình thức này được tiến hành song song nhau, Bổ sung thêm hình thức Xét tuyển thẳng, xét tuyển bằng kết quả học tập cả năm lớp 12. Tuy nhiên đây cũng chỉ là giải pháp trong ngắn hạn nhằm đảm bảo về số lượng của công tác tuyển sinh. Về lâu dài để nâng cao thương hiệu cũng như chất lượng đào tạo của trường thì cần nghiên cứu nâng mức điểm xét tuyển ở các hình thức.

3.2.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh của nhà trường

Hiểu rõ sức mạnh của truyền thông trong việc góp phần tạo nên uy tín và sức lan tỏa của nhà trường đối với xã hội, ĐHLN-PHĐN cần đầu tư nhiều hơn nữa cho công tác truyền thông cả về con người, máy móc thiết bị, cơ sở vật chất. Cần có một bộ phận truyền thông chuyên

trách để có thể giúp nhà trường hoạch định các chiến lược truyền thông trong từng giai đoạn.

Cần phải không ngừng đổi mới cách tiếp cận, phản ánh thông tin, việc phối, kết hợp giữa các phòng ban, đơn vị liên quan trong việc cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác và thuận tiện để tra cứu ngành nghề đào tạo, thông tin tuyển sinh; giúp thí sinh hiểu, tin tưởng và lựa chọn ĐHLN-PHĐN. Hiện nay, gần như 100% học sinh có Smartphone và có thể tìm hiểu qua mạng Internet và tư vấn qua các kênh mạng xã hội. Hoạt động tư vấn tuyển sinh của nhà trường đã kết hợp giữa thông tin trên website với fanpage tuyển sinh, giúp thí sinh có thể tìm hiểu về tuyển sinh của nhà trường mọi lúc, mọi nơi. Nhà trường đã có trang Fanpage chuyên tuyển sinh tại địa chỉ <https://www.facebook.com/VNUF2> tuy nhiên cần có nhân sự chuyên trách 24/24 để có thể sẵn sàng trả lời điện thoại, inbox tin nhắn bất cứ lúc nào thí sinh có nhu cầu hỏi thêm về thông tin tuyển sinh của nhà trường.

Đặc biệt, trang web trường cần phải thiết kế theo phong cách hiện đại, mục tuyển sinh có giao diện bắt mắt, xây dựng những chuyên mục chứa đựng các tin, bài, hình ảnh, video với nội dung phong phú, quảng bá hoạt động của các khoa, các ngành đào tạo, các đơn vị của trường một cách đầy đủ, hấp dẫn.

Để có thể có những đổi mới mạnh mẽ bắt kịp xu thế thời kỳ mới, thời kỳ công nghệ số, cách thức truyền thông cần phải kết hợp những bài viết, những mẫu quảng cáo bằng hình ảnh sinh động đăng trên báo giấy, tờ rơi, sổ tay tuyển sinh hoặc phát trên truyền hình thì cần hướng đến sự phong phú, đa chiều, tiếp cận nhanh hơn tới thí sinh và phụ huynh như các video giới thiệu ngành nghề, Clip ngắn giới thiệu về trường; tư vấn trực tuyến...

Cần xây dựng bộ nhận diện thương hiệu của nhà trường, đây là những nét đặc trưng tạo điểm nhấn cho ĐHLN-PHĐN đối với cộng đồng dân cư và đối với các thí sinh.

Cần giữ mối liên hệ phối hợp, hợp tác truyền thông với các cơ quan truyền hình, phát thanh, báo chí trung ương, địa phương.

Cần kết hợp với Đoàn thanh niên, các đơn vị phòng ban chức năng, khoa chuyên môn tạo ra các chương trình, sân chơi, có mời học sinh các trường THPT tới dự, trong có lồng ghép các

hoạt động tuyển sinh, giới thiệu về nhà trường. Đây cũng là một cách truyền thông khá hiệu quả để các em thấy có thêm trải nghiệm khi được đến thực tế tại trường.

3.2.3. Nâng cao hơn nữa uy tín, thương hiệu của nhà trường

Yếu tố đặc điểm trường ĐH cũng là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT.

ĐHLN-PHĐN cần quan tâm việc tạo ra môi trường học tập thân thiện, cảnh quan trường xanh - sạch - đẹp. Khu vực ký túc xá cho sinh viên đầy đủ và sạch sẽ, wifi phủ sóng đầy đủ và ổn định. Xây dựng căng tin phục vụ nhu cầu ăn uống cho sinh viên trong khuôn viên trường.

Giảng viên nhiệt tình với nghề, các nhân viên phục vụ tại các phòng ban phải hòa nhã với các em sinh viên, và phải có tác phong làm việc chuyên nghiệp tạo thiện cảm tốt.

Thành lập trung tâm xúc tiến việc làm liên kết với các doanh nghiệp, cơ quan đơn vị, hợp đồng với các cơ quan đơn vị này để đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu sử dụng của họ nhằm đảm bảo đầu ra cho các em sinh viên, đối với những ngành đặc thù có thể cam kết với học sinh và người nhà học sinh rằng học ở ĐHLN-PHĐN đảm bảo được việc làm. Đồng thời trung tâm có chức năng đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, tìm kiếm học bổng tại các doanh nghiệp và các tổ chức trong và ngoài nước.

3.2.4. Tăng cường phát huy vai trò của các mối quan hệ ảnh hưởng

ĐHLN-PHĐN cần tăng cường thiết lập mối liên hệ với các trường THPT đặc biệt là với các giáo viên, cán bộ làm công tác hướng nghiệp cho các em học sinh. Bởi thực tế cho thấy phần lớn các em học sinh đến tận lớp 12 vẫn chưa có định hướng hay quyết định chắc chắn sẽ chọn ngành, trường đại học nào để tiếp tục học, cho nên việc định hướng nghề nghiệp cho các em là một việc có tầm ảnh hưởng lớn.

Cần phải tiếp tục phát huy hơn nữa tính chủ động, sáng tạo của câu lạc bộ tuyển sinh & truyền thông nhà trường. Bởi chính các em sinh viên sẽ là minh chứng chân thực nhất để giới thiệu những hình ảnh, hoạt động của trường tới người thân, bạn bè, xã hội; Cần thiết lập mạng lưới cựu sinh viên ĐHLN-PHĐN. Các khoa chuyên môn nên là đầu mối giữ liên lạc với các

nhóm cựu sinh viên này. Vì chính các bạn sinh viên đã ra trường đi làm là kênh truyền thông hữu hiệu để giới thiệu với bạn bè, người thân theo học tại trường.

Các giảng viên của trường khi lên lớp đặc biệt là những lớp ngoài trường nên dành một ít thời gian giới thiệu về trường cũng như ngành nghề tuyển sinh, hoặc lồng ghép trong quá trình giảng dạy môn chuyên ngành là thông tin hướng nghiệp tới các sinh viên hoặc học viên.

Tận dụng các mối quan hệ của các cán bộ, giảng viên nhà trường trong việc tư vấn, giới thiệu người thân, người quen đến học tập tại trường và có chế độ bằng tiền đối với những cán bộ, giảng viên giới thiệu được người học. Đồng thời có khen thưởng đối với những trường hợp cán bộ, giảng viên có nhiều đóng góp cho công tác tuyển sinh và giới thiệu được nhiều thí sinh đến học tập nhất.

3.2.5. Tái cơ cấu các ngành nghề đào tạo

ĐHLN-PHĐN năm 2020 tuyển sinh 17 ngành thuộc 5 khối ngành. Tuy nhiên trên thực tế, có nhiều ngành không tuyển sinh được hoặc tuyển sinh được rất ít nên xảy ra tình trạng phải vận động chuyển lớp, chuyển ngành cho sinh viên. Có thể thấy mặc dù nhiều ngành nhưng chuyên ngành của nhà trường đang đào tạo còn mang tính chất đơn điệu, chung chung. Nhiều ngành không còn phù hợp với nhu cầu của xã hội. Vì vậy nhà trường cần nghiên cứu tình hình thực tế để mở mới hoặc liên kết với các trường ĐH ở các địa phương lân cận để tuyển sinh các ngành mới.

Một số ngành có tên ngành/chuyên ngành còn đơn điệu cần có sự nghiên cứu để đổi tên thành ngành có sự thu hút hơn. Nghiên cứu bổ sung các ngành đào tạo chất lượng cao, đào tạo 2 ngôn ngữ, liên kết với các trường ĐH nước ngoài, thực hiện các chương trình trao đổi giảng viên nhằm nâng cao chất lượng giảng viên và tăng khả năng ngoại ngữ của giảng viên.

Đối với những ngành nhiều năm liên tiếp không tuyển sinh được hoặc số lượng sinh viên nhập học quá ít không thể mở lớp, cần có sự kiên quyết trong việc tạm dừng tuyển sinh để tái cấu trúc ngành sang những ngành mới.

4. KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT

trên địa bàn huyện Trảng Bom, Đồng Nai là rất cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, khi mà xu hướng chọn nghề, chọn trường của học sinh THPT đang có những hướng thay đổi rõ rệt. Nghiên cứu này có mục tiêu xây dựng và kiểm định mô hình biểu thị mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng và quyết định chọn trường ĐH của học sinh THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom.

Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi cho 174 học sinh (khối 12) đang học tập tại các trường THPT trên địa bàn huyện Trảng Bom và đã sử dụng các mô hình phân tích nhân tố khám phá cho việc xác định được các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến quyết định chọn trường, bao gồm: 1) Cơ hội tương lai và năng lực của học sinh; (2) Truyền thông tiếp thị của trường ĐH, (3) Đặc điểm của trường ĐH; (4) Cơ hội trúng tuyển; (5) Quan hệ ảnh hưởng. Trên cơ sở các nhân tố ảnh hưởng, nghiên cứu đã vận dụng đưa ra một số giải pháp nhằm thu hút người học đến học tập tại ĐHLN-PHĐN như sau: 1- Khoanh vùng, lựa chọn đối tượng tuyển sinh phù hợp; 2- Nâng cao hơn nữa uy tín, thương hiệu của nhà trường; 3- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của nhà trường; 4- Tăng cường phát huy vai trò của các mối quan hệ ảnh hưởng; 5-

Tái cơ cấu các ngành nghề đào tạo. Những giải pháp này có thể góp phần hỗ trợ cho việc thực hiện các chính sách, chiến lược phát triển trong công tác tuyển sinh của ĐHLN-PHĐN được hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Joseph F. Hair, Jr. William C. Black, Barry J. Babin, Rolph E. Anderson (2014), *Multivariate Data Analysis*, Seventh Edition.
2. Lê Quang Hùng, Kiều Xuân Hùng, Nguyễn Phú Tụ, Diệp Thị Phương Thảo, Nguyễn Lưu Thanh Tân, Lê Thị Bích Diệp, Mạnh Ngọc Hùng (2019), *Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của tân sinh viên quản trị kinh doanh*, <https://tapchitaichinh.vn/>, truy cập ngày 20/1/2021.
3. Vũ Thị Huệ, Lê Đình Hải, Nguyễn Văn Phú (2017), *Áp dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá trong nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vào học phân hiệu trường đại học lâm nghiệp của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp số 4 năm 2017.
4. Trần Văn Quý, Cao Hào Thi (2009), *Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học*, Tạp chí Phát triển KH&CN, tập 12- Số 15 năm 2009.
5. Đỗ Ngọc Thu (2014), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn trường đại học của học sinh THPT tại TP. Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Trường ĐH Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.
6. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

FACTORS FOR DECISION TO ENROLL A UNIVERSITY OF HIGH-SCHOOL STUDENTS IN TRANG BOM DISTRICT, DONG NAI PROVINCE

Le Ngoc Diep¹

¹*Vietnam National University of Forestry – Dong Nai Campus*

SUMMARY

In this research, we conducted to survey of 174 high-school students (12th Grade) in Trang Bom district was conducted to determine the factors influencing a university choice decision of high-school students in Trang Bom district, Dong Nai province. The result of Exploratory Factor Analysis (EFA) indicated that 5 factors, including (1) Future opportunities and capabilities of students, (2) Marketing communications, (3) Relations, (4) University characteristics, (5) Chances of admission, have significantly affected a university choice decision of high-school students in Trang Bom district, Dong Nai province. Based on the research results, several ideas have been proposed to attract learners to study at the Vietnam National University of Forestry – Dong Nai Campus (VNUF2), including Zoning and selecting suitable students; Stepping up communication and promoting the university's image; Further improving the reputation and trademark of the university; Enhancing and promoting the role of influencing relationships; Restructuring of training professions.

Keywords: Exploratory Factor Analysis (EFA) , High-school student, Trang Bom district, VNUF2.

Ngày nhận bài : 19/2/2021

Ngày phản biện : 14/6/2021

Ngày quyết định đăng : 25/6/2021